

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 29/6/2018

*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
Mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Châu

2. Bà Trần Lệ Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K

Người đại diện theo pháp luật là bà Lưu Thị Đ, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Thanh N, chức vụ: Nhân viên công nợ, theo giấy ủy quyền lập ngày 27/10/2017 (có mặt).

Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lý T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường L, phường B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Nguyệt V1, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

– Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K là ông Dương Thanh N trình bày:
Ông T có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K ký kết hợp đồng mua trả góp 01 xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu trắng – nâu, biển kiểm soát số: 68X1-208.82 vào ngày 05/11/2015, tổng giá trị hợp đồng là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2%/tháng, lãi suất quá hạn là 3%/tháng, phạt chậm thanh toán là 0,3%/01 ngày nhân với số tiền gốc phải trả của kỳ đó nhân với số ngày chậm thanh toán (trừ ra 07 ngày), thời gian vay là 12 tháng, cụ thể đến ngày 05/11/2016 là hết hạn hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng mua xe trả góp thì hàng tháng ông T (người mua xe) và bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 (người đồng chịu trách nhiệm) góp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K tiền gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng, số tiền góp mỗi tháng là 1.667.000 đồng nhưng ông T và bà V1 không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà V1 đã thanh toán được 02 lần với số tiền gốc là 5.001.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 6.092.000 đồng. Đã nhiều lần nhân viên thu hồi nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đến nhà nhắc nhở nhưng ông T và bà V1 chỉ hứa hẹn mà không thanh toán, cũng không thấy gia đình ông T và bà V1 sử dụng chiếc xe nêu trên.

Nay ông yêu cầu ông T và bà V1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K khoản nợ mua bán tính đến ngày 12/6/2018 với số tiền gốc là 14.999.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 12.170.000 đồng, tổng cộng 27.169.000 đồng.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 trình bày:
Bà thống nhất với lời trình bày của ông N về thỏa thuận mua bán xe trả góp, số tiền gốc và lãi đã thanh toán. Bà thừa nhận hiện nay bà và ông T còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền gốc là 14.999.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 12.170.000 đồng, tổng cộng 27.169.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình bà đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K cho bà và ông T trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trong 06 tháng đầu tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/12/2018; từ ngày 12/01/2019 và ngày 12 của các tháng tiếp theo thì bà và ông T sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K yêu cầu bị đơn – ông T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 thanh toán khoản nợ mua bán đã vi phạm nghĩa vụ là 27.169.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và ông T, bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. R, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn - ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Dương Thanh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn - ông T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - ông T.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã cung cấp cho Tòa án là hợp đồng mua bán xe trả góp số 0230/ST-H và giấy nhận nợ lập ngày 05/11/2015 thể hiện những nội dung chính sau: “Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và vợ chồng ông T, bà V1 có thỏa thuận mua bán trả góp 01 xe gắn máy hai bánh nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu trắng – nâu, biển kiểm soát số: 68X1-208.82 vào ngày 05/11/2015, tổng giá trị hợp đồng là 20.000.000 đồng; lãi suất trong hạn là 2%/tháng, lãi suất quá hạn là 3%/tháng, phạt chậm thanh toán là 0,3%/01 ngày N với số tiền gốc phải trả của kỳ đó N với số ngày chậm thanh toán (trừ ra 07 ngày); hàng tháng ông T và bà V1 góp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K tiền gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng, số tiền góp mỗi tháng là 1.667.000 đồng; thời gian vay là 12 tháng, cụ thể đến ngày 05/11/2016 là hết hạn hợp đồng. Trong giai đoạn từ ngày 26/10/2015 cho đến ngày 26/01/2016, ông T và bà V1 đã thanh toán được 02 lần với số tiền gốc là 5.001.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là 6.092.000 đồng. Hiện nay, ông T và bà V1 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K tiền gốc là 14.999.000 đồng, tiền lãi và tiền phạt là

12.170.000 đồng, tổng cộng 27.169.000 đồng”. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông T đều không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K. Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông T không có ý kiến phản đối, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà V1 thừa nhận tất cả những tình tiết, sự kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đưa ra; giữa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà V1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K đã thỏa thuận được phương thức trả nợ, cụ thể là bà V1 và ông T trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trong 06 tháng đầu tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/12/2018, từ ngày 12/01/2019 và ngày 12 của các tháng tiếp theo thì bà và ông T sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ 27.169.000 đồng, nhưng do vắng mặt bị đơn - ông T (là người liên quan trực tiếp đến vụ án) nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K và vợ chồng ông T, bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 là hợp đồng mua bán tài sản; hiện nay vợ chồng ông T, bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền 27.169.000 đồng, nên cần buộc vợ chồng ông T, bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền 27.169.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 428, 438, 461 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K, buộc bị đơn – ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền mua bán còn nợ lại là 27.169.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K về việc cho ông T và bà V1 trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng trong 06 tháng đầu tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/12/2018, từ ngày 12/01/2019 và ngày 12 của các tháng tiếp theo thì ông T và bà V1 sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ 27.169.000 đồng.

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 phải chịu án phí là: 27.169.000 đồng x 5% = 1.358.450 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 590.000 đồng (năm trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R theo biên lai thu số 0003952, ngày 22/3/2018.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 305, 428, 438, 461 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” đối với bị đơn – ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1.

2. Buộc bị đơn – ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 cùng liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K số tiền 27.169.000 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Nguyệt V1 phải chịu án phí là: 27.169.000 đồng x 5% = 1.358.450 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 590.000 đồng (năm trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R theo Biên lai thu số 0003952, ngày 22/3/2018.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R;
- Chi cục THA dân sự TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân